

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 10

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và
trường trung học phổ thông, năm học 22-23**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1190	342	278	269	301
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99.83	100	99.64	100	99.67
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.17	0	0.36	0	0.33
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo học lực	1190	342	278	269	301
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	78.15	79.82	65.83	85.50	81.06
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	20.08	18.13	31.29	14.13	17.28

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.76	2.05	2.88	0.37	1.66
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1190	342	278	269	301
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	57.39	39.18	26.98	85.50	81.06
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	28.32	40.64	38.85	14.13	17.28
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.08/1.76	2.63	1.7	0.3/1.48	0.99
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	48		5	8	35
2	Cấp tỉnh/thành phố	5				5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	301				301
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	301				301
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	244				81.06
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52				17.28
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	5				1.66
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	580/610	167/175	141/137	126/143	146/155
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	85	27	15	20	23

Quận 8, ngày 5 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Nguyễn Long Giao

Biểu mẫu 11

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 22-23**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35/1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8526	8526
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2723	2.3m²/học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1872	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	584	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	940	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	36	36/36 lớp
1.1	Khối lớp 6	8	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	9	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8,9	19	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8,9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	
2	Cát xét	30	

3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	40	
5	Thiết bị khác...	3	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	
2	Cát xét	30	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	40	
5	Thiết bị khác...	3	
..			

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	144
XI	Nhà ăn	48

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1872	1190	1.57
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		giáo viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		X
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 5 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Nguyễn Long Giao

Biểu mẫu 12

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 22-23**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	71	1	7	59	2	2								
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	8		1	7										
2	Lý	3		1	2										
3	Hóa	5			5										
4	Sinh	5		2	3										
5	Tiếng Anh	7			7										
6	GDCD	2			2										
7	Địa lý	4			4										
8	Sử	4			4										
9	Văn	11		1	9	1									

10	Công nghệ	4			4										
11	Tin	3			3										
12	Nhạc	2			2										
13	Hoạ	2			2										
14	Thể dục	4			4										
II Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	2		2											
III Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	Hợp p đòn g			1										
3	Thủ quỹ	Kiê m nhi ệm			1										
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1										
---	-------------------------------	---	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Quận 8, ngày 5 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Nguyễn Long Giao